

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13- HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **35/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 30 - 9 -2025

*V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly
hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quý Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Bông;

2. Bà Nguyễn Thị Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Dũng - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 13- Hải Phòng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13- Hải Phòng tham gia phiên
tòa:** Ông Khương Viết Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 13 – Hải Phòng mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 118/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15/9/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Đào Thị L**, sinh ngày 21/12/1984;

Địa chỉ: thôn 6, xã V, thành phố Hải Phòng (địa chỉ cũ: thôn 6, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương).

Số căn cước: 030184012143, cấp ngày 24/3/2025.

- Bị đơn: Anh **Phạm Văn Q**, sinh ngày 05/11/1984;

Địa chỉ: thôn 6, xã V, thành phố Hải Phòng; (địa chỉ cũ: thôn 6, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương).

Số định danh cá nhân: 030084003927.

-*Người làm chứng:* Bà Nguyễn Thị M, sinh ngày 1960; Địa chỉ: thôn 6, xã V, thành phố Hải Phòng (địa chỉ cũ: thôn 6, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương).

Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Q, bà M đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn chị Đào Thị L trình bày: Chị và anh Phạm Văn Q được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương (*nay là xã V, thành phố Hải Phòng*) vào ngày 20/8/2014 và được gia đình hai bên tổ chức đám cưới tại địa phương. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại gia đình nhà chồng tại thôn 6, xã T, huyện N (*nay là xã V, thành phố Hải Phòng*). Quá trình chung sống với anh Q đến năm 2015 vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách, lối sống, quan điểm cũng không hợp nhau, bản thân anh Q tính cách gia trưởng luôn áp đặt chị làm theo ý của anh, hơn nữa giữa chị và gia đình nhà chồng cũng không có sự hòa hợp nên đời sống hôn nhân của vợ chồng rất căng thẳng, mệt mỏi. Nhiều lần anh Q không vừa ý việc gì luôn tìm cách gây sự chửi bới, đánh chị, chung sống với anh Q không có hạnh phúc mà luôn lo lắng, giữa vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Chị và anh Q đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay, trong thời gian ly thân anh Q không đến tìm đón chị về đoàn tụ, vợ chồng cũng không có biện pháp hàn gắn tình cảm, không liên lạc với nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, sống ly thân một thời gian dài nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Văn Q để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Anh T, sinh ngày 24/6/2015 và Phạm Minh K, sinh ngày 01/11/2020; hiện các con chung đang ở cùng chị, khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung đến khi thành niên (*tròn 18 tuổi*), chị yêu cầu anh Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị số tiền 1.500.000 đồng/1 con/tháng, phương thức cấp dưỡng theo tháng kể từ tháng 10/2025 đến khi các con thành niên (*tròn 18 tuổi*).

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị không yêu cầu giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh Phạm Văn Q đều không đến tham gia tố tụng tại Tòa án. Tòa án đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương cũng như lấy lời khai của những người thân trong gia đình anh Q (bà Nguyễn Thị M) đều khẳng định: Tại thời điểm này anh Phạm Văn Q vẫn có đăng ký thường trú và đang cư trú tại thôn 6, xã V, thành phố Hải Phòng, đang đi làm công ty tại địa phương, sáng đi tối về ăn uống sinh hoạt tại nhà. Anh Q biết việc Tòa án đã thụ lý vụ án và giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị L thông qua việc bà M giao trực tiếp cho anh Thông báo thụ lý của Tòa án và giấy triệu tập nhưng anh đã trốn tránh, không

chấp hành các quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại gia đình anh, Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lại và tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13-Hải Phòng theo quy định pháp luật. Tại các buổi làm việc, công khai chứng cứ và hòa giải anh Q đều vắng mặt không có lý do nên không có lời khai của anh Q và Tòa án cũng không tiến hành hòa giải giữa các đương sự được.

Tại biên bản ghi lời khai bà Nguyễn Thị M (là mẹ đẻ anh Q) trình bày: Anh Q và chị L được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2014 và được gia đình hai bên tổ chức đám cưới tại địa phương. Sau ngày cưới anh chị sinh sống cùng nhà với bà. Quá trình chung sống đến năm 2020 vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng về lối sống, làm ăn kinh tế, nuôi dạy con cái; chị L đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ sống ly thân từ cuối năm 2020 đến nay. Từ thời điểm đó đến nay giữa anh Q và chị L cũng không liên lạc, anh cũng không tìm đón chị về đoàn tụ. Khi trao đổi về việc chị L làm đơn xin ly hôn với anh, anh có nói với bà là việc ly hôn là ở chị L, tùy Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, còn anh cũng không đến Tòa án để giải quyết.

Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã V và khu dân cư nơi anh Q sinh sống cung cấp: Anh Q và chị L kết hôn hợp pháp, anh Q có hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại địa phương, quá trình chung sống vợ chồng anh có xảy ra mâu thuẫn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên toà, Chị Đào Thị L, anh Phạm Văn Q vắng mặt. Tại đơn đề nghị giải quyết xét xử vắng mặt chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Q và đề nghị Tòa án giao con chung là Phạm Anh T, sinh ngày 24/6/2015 và Phạm Minh K, sinh ngày 01/11/2020 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con thành niên (tròn 18 tuổi), chị yêu cầu anh Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị số tiền 1.500.000 đồng/01 con/tháng, phương thức cấp dưỡng theo tháng kể từ tháng 10/2025 đến khi các con thành niên (tròn 18 tuổi).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13- Hải Phòng xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên toà chấp hành đúng qui định của BLTTDS, người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng qui định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng qui định của pháp luật. Về đường lối giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đào Thị L được ly hôn anh Phạm Văn Q. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Đào Thị L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là Phạm Anh T, sinh ngày 24/6/2015 và Phạm Minh K, sinh ngày 01/11/2020 đến khi các con thành niên (tròn 18 tuổi), chị L yêu cầu anh Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị số tiền 1.500.000 đồng/1 con/tháng, phương thức cấp dưỡng theo tháng kể từ tháng 10/2025 đến khi các con thành niên. Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không phải giải

quyết. Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Q phải chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13- Hải Phòng, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Phạm Văn Q có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 6, xã V, thành phố Hải Phòng. Chị L có đơn khởi kiện anh Q. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 13- Hải Phòng thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các biện pháp để thu thập chứng cứ như triệu tập hợp lệ anh Q, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của BLTTDS nhưng anh Q đều vắng mặt và không có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Theo hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 5/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì trường hợp của anh Q được xác định là cố tình giấu địa chỉ. Nguyên đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định tại các Điều 207, 227 và Điều 228 BLTTDS.

[3] Về nội dung vụ án.

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị L và anh Phạm Văn Q kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương (*Nay là xã V, thành phố Hải Phòng*) vào năm 2014, đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn, sau đó đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, lối sống, quá trình chung sống thường xuyên xảy ra va chạm, to tiếng. Tòa án tổ chức hòa giải nhưng anh Q đều vắng mặt, điều đó khẳng định anh cũng không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Lời trình bày về mâu thuẫn vợ chồng của chị L phù hợp với lời trình bày của bà M và đại diện chính quyền địa phương. Theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, có nghĩa vụ sống chung với nhau...Hội đồng xét xử xét thấy: Anh, chị không thực hiện được các nghĩa vụ nêu trên. Từ đó có thể khẳng định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị Đào Thị L được ly hôn anh Phạm Văn Q là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Anh T, sinh ngày 24/6/2015 và Phạm Minh K, sinh ngày 01/11/2020, hiện đang ở cùng với chị L. Hội đồng xét xử thấy rằng nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi con của chị L là chính đáng, con chung cũng có nguyện vọng ở cùng chị, mặt khác chị có đủ điều kiện về kinh tế, chỗ ở và thu nhập để nuôi con, hiện nay các con đang được học tập ổn định, còn anh Q từ thời điểm ly thân đến nay là gần 05 năm anh cũng chưa có lần nào đến thăm gặp các con cũng như chu cấp khoản tiền nào cho các con chung. Nên cần giao con chung cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là đảm bảo tính ổn định và đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung và phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình. Đối với việc chị L yêu cầu anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị mức cấp dưỡng hàng tháng là 1.500.000đồng/1con/tháng, phương thức cấp dưỡng theo tháng kể từ tháng 10/2025 đến khi các con thành niên (tròn 18 tuổi) là phù hợp quy định của pháp luật; do đó cần buộc anh Q phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi các con chung.

[3.3] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] *Về án phí*: Chị Đào Thị L khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, anh Phạm Văn Q có nghĩa vụ cấp dưỡng phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình. khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 207, Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị L. Xử cho chị Đào Thị L ly hôn anh Phạm Văn Q.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Đào Thị L tiếp tục nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là Phạm Anh T, sinh ngày 24/6/2015 và Phạm Minh K, sinh ngày 01/11/2020 đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận yêu cầu của chị L về việc buộc anh Phạm Văn Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị L, mức cấp dưỡng nuôi một con là 1.500.000đ/tháng (hai con là 3.000.000đ), phương thức cấp dưỡng hàng tháng, kể từ tháng 10/2025 đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc khi chị L, anh Q có yêu cầu khác.

Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị L.

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành không thi hành số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí: Chị Đào Thị L phải chịu 300.000đ tiền án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án mà chị L đã nộp theo biên lai thu số 0001641 ngày 03/6/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 13- Hải Phòng). Anh Phạm Văn Q phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng.

4. Về quyền kháng cáo: Chị L, anh Q vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 13- Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- UBND xã V, thành phố Hải Phòng (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Quý Long

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Quý Long

